

Cơ cấu kinh tế Tây Nguyên hiện nay và một số vấn đề đặt ra

PGS.TS BÙI QUANG TUẤN

Viện Nghiên cứu phát triển bền vững vùng

ThS NGUYỄN ĐÌNH HÒA

Viện Kinh tế Việt Nam

Hơn một thập niên trở lại đây, kinh tế Tây Nguyên đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tốc độ tăng trưởng cao hơn mức trung bình của cả nước. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chủ yếu dựa vào vốn đầu tư và khai thác tài nguyên thiên nhiên; cơ cấu kinh tế của vùng chuyển dịch chậm và ngành sản xuất chính là nông lâm thủy sản, trong khi khu vực này vẫn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố bên ngoài, giá trị gia tăng thấp. Cách thức tăng trưởng và cơ cấu kinh tế của Tây Nguyên đang đặt ra nhiều thách thức về phát triển bền vững. Trong thời gian tới, sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng cần chú trọng vào chất lượng, hiệu quả và đảm bảo sự bền vững.

Các vấn đề trong chính sách phát triển vùng Tây Nguyên

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong thời gian qua đã có nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách tập trung cho việc phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, không ít chính sách còn chưa đồng bộ, chưa phù hợp và thiếu tính khả thi, hiệu lực và hiệu quả chưa cao, thậm chí một số chính sách chưa thực sự đi vào cuộc sống. Nguyên nhân của tình trạng này là do nhận thức, năng lực vận hành, tổ chức thực hiện chính sách đã ban hành còn hạn chế, sự phối hợp giữa các ban ngành, các cấp còn yếu, thể chế liên kết vùng yếu, do vậy, chưa tận dụng được cơ hội và phát huy được tiềm năng. Cụ thể, các vấn đề hiện nay đang đặt ra đối với các chính sách phát triển vùng Tây Nguyên là:

Thiếu tính đồng bộ: giữa các chính sách còn thiếu tính đồng bộ, có sự chông chéo về nhiệm vụ quản lý và không tuân thủ quy trình khoa học. Ví dụ, sự chông chéo trong quản lý thủy điện: theo quy hoạch về phát triển hệ thống thủy điện, trên các hệ thống sông chính của Tây Nguyên có đến 287 dự án thủy điện. Hiện nay, việc quản lý môi trường lưu vực sông do nhiều bộ, ngành cùng tham gia đảm nhiệm như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý về thủy lợi, khai thác và nuôi trồng thủy sản; Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý về bảo vệ môi trường nước sông, tài nguyên nước, khai thác khoáng sản... Do có nhiều cơ quan cùng tham gia thực hiện chức năng quản lý nên đã nảy sinh vấn đề chông chéo trong công tác quản lý nhà nước đối với các lưu vực sông. Điều này dẫn đến phát sinh nhiều bất cập từ các dự án thủy điện tại vùng Tây Nguyên trong thời gian

qua. Một ví dụ khác là, hầu hết quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng Tây Nguyên được lập và phê duyệt từ một vài năm trước¹, trong khi quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng Tây Nguyên lại được phê duyệt sau². Điều này đã dẫn đến sự không gắn kết giữa khai thác lợi thế và phân công lao động của các địa phương trong vùng, không kết hợp chặt chẽ giữa công nghiệp với nông nghiệp, không mở rộng và có sự hỗ trợ với các vùng kinh tế khác...

Thiếu tính khả thi trong các quy định, chẳng hạn, Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định về mức hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm khi thu hồi đất. Theo báo cáo của tỉnh Đắk Nông, do khoảng cách quá rộng gây khó khăn cho địa phương trong việc cụ thể hóa Nghị định; khi áp dụng Nghị định thì giá đất nông nghiệp



tính cộng cả bồi thường và hỗ trợ lại cao hơn giá đất nông nghiệp trên thị trường...

Thiếu sự phù hợp với địa phương: ở Tây Nguyên, hiện nay có khá nhiều chính sách hỗ trợ về tín dụng³, nhìn chung các chính sách này được thực hiện qua hai kênh là lãi suất ưu đãi và/hoặc không đòi hỏi thế chấp. Điều dễ nhận thấy nhất trong các chương trình cho vay vốn ưu đãi hiện nay là quy mô cho vay nhỏ. Theo số liệu khảo sát mức sống dân cư năm 2010 (Tổng cục Thống kê), trị giá khoản vay trung bình một hộ của vùng Tây Nguyên chỉ là 11,6 triệu đồng. Mức vốn này khó có thể đáp ứng được việc đầu tư cho phát triển sản xuất khi mỗi ha cà phê hay hồ tiêu cũng cần đầu tư vài chục triệu đồng...

Bên cạnh đó, việc giám sát thực thi các chủ trương, chính sách còn hạn chế: hiện nay, diện tích nhiều loại cây công nghiệp đã vượt so với quy hoạch. Diện tích cà phê năm 2010 tăng gấp 1,15 lần năm 2000 và gấp 2,73 lần so với quy hoạch (chỉ có 180 nghìn ha); diện tích trồng sắn tăng từ 38 nghìn ha năm 2000 lên 137 nghìn năm

2009 (tăng 3,6 lần trong 9 năm); diện tích cao su trong vòng 10 năm từ 2000 đến 2010 đã tăng hơn 2,2 lần...

Đánh giá sơ bộ về mô hình tăng trưởng kinh tế của vùng Tây Nguyên

Mô hình tăng trưởng theo chiều rộng

Trong khoảng 10 năm qua, vùng Tây Nguyên đạt mức tăng trưởng kinh tế khá cao, với tốc độ đạt mức 12,47%/năm - cao hơn trung bình của cả nước; quy mô GDP đã tăng gấp 3,4 lần so với năm 2001. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của Tây Nguyên trong giai đoạn 2001-2011 về thực chất là mô hình tăng trưởng theo chiều rộng. Thành tựu về tăng trưởng đạt được chủ yếu dựa vào việc mở rộng quy mô và phạm vi khai thác các tiềm năng sẵn có hơn là dựa vào việc cải thiện chất lượng sử dụng các nguồn lực.

Tăng trưởng dựa vào lao động thủ công: tăng trưởng kinh tế vẫn dựa vào lao động thủ công giá trị thấp và rẻ tiền, chủ yếu lao động không qua đào tạo nghề. Hiện tại,

tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của nhân lực, trí tuệ và năng suất lao động ở Tây Nguyên đang thấp hơn so với tỷ lệ chung của cả nước. Cùng với tiến trình phát triển, những lợi thế lao động giá rẻ sẽ không còn, do vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đối với vùng Tây Nguyên là vấn đề then chốt.

Tăng trưởng dựa vào vốn đầu tư: tăng trưởng kinh tế của vùng Tây Nguyên thời gian qua dựa trên vốn đầu tư với tỷ lệ đóng góp khoảng 48% GDP. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư chưa cao và thường ưu tiên đầu tư cho các ngành khai thác tài nguyên (thủy điện, khai khoáng). Mặt khác, hiệu quả sử dụng vốn thấp còn do phải tập trung vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ở những địa bàn khó khăn.

Tăng trưởng dựa vào khai thác tài nguyên: các ngành kinh tế Tây Nguyên chủ yếu dựa vào khai thác và sử dụng tài nguyên, bao gồm nông lâm thủy sản, khai thác mỏ, thủy điện, chiếm tỷ trọng trung bình 51,64% trong GDP (giai đoạn 2001-2011). Việc sử dụng tài nguyên đất để phát triển các loại cây công nghiệp đi kèm với việc suy giảm diện tích rừng, nhất là rừng tự nhiên; trong khi đó, các sản phẩm nông sản chủ yếu được tiêu thụ ở dạng thô hoặc chỉ qua sơ chế nên hiệu quả kinh tế, giá trị gia tăng thấp. Việc quy hoạch và xây dựng thủy điện, đặc biệt là phát triển thủy điện vừa và nhỏ đã gây ra nhiều tác động bất lợi đối với môi trường và cuộc sống của người dân...

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Cơ cấu kinh tế của Tây Nguyên đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp

và gia tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, sự chuyển dịch còn chậm (trong vòng 10 năm, tỷ trọng nông lâm thủy sản chỉ giảm được 3,8%). Công nghiệp chủ yếu phát triển ở các ngành khai thác tài nguyên (thủy điện và tài nguyên khoáng sản); tỷ trọng công nghiệp chế biến có xu hướng giảm xuống và điều này phần nào làm hạn chế đến sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp do sự thiếu hụt các ngành công nghiệp chế biến các loại nông sản phẩm. Về mặt chất lượng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng Tây Nguyên thời gian qua chưa bền vững. Lĩnh vực nông lâm thủy sản còn phụ thuộc vào các yếu tố thời tiết, giá cả... và quá trình phát triển này đánh đổi với suy thoái đất đai, suy giảm diện tích rừng, ô nhiễm môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế khác.

Trong hơn 10 năm qua, đóng góp vào kinh tế của Tây Nguyên chủ yếu là khu vực ngoài nhà nước. Tuy nhiên, đây vẫn là khu vực sản xuất kinh doanh quy mô nhỏ, manh mún, chủ yếu là quy mô hộ gia đình. Điều này đã ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng tăng trưởng kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế diễn ra rất chậm, thậm chí không thay đổi, trong 10 năm qua khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cũng chỉ chiếm khoảng 1%. Thực trạng này phản ánh những hạn chế, yếu kém về môi trường kinh doanh và hội nhập kinh tế của vùng Tây Nguyên.

Những vấn đề đặt ra

Nguy cơ suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường

Tài nguyên đất và tài nguyên rừng: tài nguyên tự nhiên, đặc biệt là đất và rừng có đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Tây Nguyên thời gian qua. Tuy nhiên, việc khai thác lợi thế và tiềm

năng các nguồn tài nguyên này đã đẩy Tây Nguyên đứng trước nhiều thách thức và nguy cơ mất cân bằng sinh thái, cạn kiệt tài nguyên. Nhiều diện tích rừng đã bị chặt phá, chuyển mục đích sử dụng đất sang trồng cây trồng công nghiệp và phát triển công nghiệp, xây dựng cơ bản. Giai đoạn 2000-2005

tích rừng, chất lượng rừng cũng bị suy giảm nhanh chóng. Tỷ lệ rừng giàu hiện chỉ có khoảng 10,4%, rừng trung bình 22,7%, còn lại là rừng nghèo kiệt. Phần lớn đất đai đang bị thoái hoá, đặc biệt là đất bazan bị thoái hoá 71,7% (trong đó thoái hoá nặng chiếm 21%).



Thủy điện Yaly

có 469,4 nghìn ha rừng tự nhiên bị chuyển thành các loại đất trồng và đất khác (đình quân rừng tự nhiên bị mất 93,4 nghìn ha/năm) [1]. Từ 2005-2010, tổng diện tích rừng bị mất là 366.731 ha⁴, gần 217 nghìn ha (chiếm 59,1%) chuyển sang sản xuất nông nghiệp, gần 127 nghìn ha (34,6%) trở thành đất trồng đối trọc, gần 23 nghìn ha (6,3%) chuyển sang đất phi nông nghiệp và phục vụ các mục đích khác [2]. Do nhiều diện tích rừng đã bị chặt phá trở thành đất trồng đối trọc và chuyển đổi đất rừng sang phát triển cây công nghiệp, thủy điện... cùng với diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu đã làm gia tăng hiện tượng hoang mạc hoá, đất đai bị thoái hoá, xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất, lũ quét... Bên cạnh suy giảm về diện

Tài nguyên nước: tài nguyên nước ở Tây Nguyên đang bị khai thác quá mức vào mùa khô (chủ yếu do gia tăng nước tưới cho cây công nghiệp, trữ nước cho thủy điện) nên ngày càng có nguy cơ mất cân đối nghiêm trọng không những cho nội vùng mà đối với cả khu vực rộng lớn ở hạ lưu. Lượng nước sử dụng (chủ yếu cho nông nghiệp) không được hoàn lại và bị tổn thất khá lớn (ước tính trên 20%). Về mùa khô, các sông suối ở các khu vực không còn rừng tự nhiên hầu như cạn kiệt nước (như lưu vực hồ chứa thủy điện Yaly, Pleikrông trên sông Se San), mực nước ngầm tụt sâu gây thiếu nước nghiêm trọng. Việc xây dựng nhiều công trình thủy điện trong thời gian

qua ở Tây Nguyên đã phải đánh đổi lớn về tài nguyên đất, tài nguyên rừng và đặc biệt là đã gây ra nhiều tác động bất lợi đến môi trường sinh thái, kinh tế và văn hóa xã hội của vùng.

Hoạt động kinh tế và sức ép, tác động tới môi trường

Việc mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp kéo theo nhu cầu sử dụng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật ngày càng tăng, để lại một lượng không nhỏ dư lượng có tác động tiêu cực đến hệ sinh thái nông nghiệp cũng như gây ra ô nhiễm nguồn nước, đất và có thể gây đột biến gen đối với một số loại cây trồng. Chẳng hạn, tại Lâm Đồng từ 2006 đến 2010, lượng phân bón vô cơ được cây trồng hấp thụ chỉ đạt 40-50%. Lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng khoảng 2.800-3.000 tấn/năm, trong đó thuốc thuộc nhóm độc bảng II chiếm 65%, bảng III chiếm 30% và bảng I khoảng 5%. Kết quả phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên 1.638 mẫu rau, chè từ tháng 8.2009 đến tháng 3.2010 ở Lâm Đồng cho thấy, có khoảng 12,86% mẫu không an toàn, gần 11,11% mẫu vượt ngưỡng cho phép [3]. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất công nghiệp dẫn đến khối lượng các chất thải ngày càng gia tăng cả về số lượng và chủng loại. Tại Kon Tum, trung bình từ 2006 đến 2010, khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại thải ra khoảng 14.290 tấn/năm (39,7 tấn/ngày), chất thải công nghiệp rắn nguy hại khoảng 21,8 tấn/năm, nước thải công nghiệp khoảng 23.000 m³/năm [4]. Phần lớn các chất thải này thải trực tiếp ra môi trường và đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi.

Tỷ lệ đói nghèo ở mức cao và phân hóa giàu - nghèo ngày càng rõ

Dù tốc độ tăng trưởng kinh tế

cao, kết quả giảm nghèo nhanh, nhưng Tây Nguyên hiện vẫn là vùng nghèo, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra mức sống dân cư năm 2010 (Tổng cục Thống kê), thu nhập bình quân đầu người/tháng của vùng Tây Nguyên là 1.088,1 nghìn đồng (cả nước: 1.387,2 nghìn đồng), tỷ lệ hộ nghèo là 22,2% (chỉ đứng sau vùng Trung du và miền núi phía Bắc). Trong xu hướng phân hóa giàu - nghèo của vùng Tây Nguyên, các dân tộc tại chỗ thường là những người nghèo. Các số liệu từ kết quả điều tra mức sống dân cư năm 2010 cho thấy, thu nhập bình quân đầu người/tháng của nhóm dân tộc Kinh là 1.324,98 nghìn đồng; nhóm dân tộc mới đến là 794,17 nghìn đồng, nhóm dân tộc tại chỗ là 524,64 nghìn đồng (chỉ bằng 39,6% thu nhập của nhóm dân tộc Kinh). Không những là đối tượng nghèo của vùng Tây Nguyên, các nhóm dân tộc tại chỗ cũng ít được hưởng các thành quả của phát triển mang lại. Việc tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, thị trường, điện lưới... của nhóm dân tộc tại chỗ có xu hướng thấp hơn so với các đối tượng khác.

Một số đề xuất về định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững

Với vị trí đặc thù, Tây Nguyên được xem như mái nhà Đông Dương, các hoạt động kinh tế làm tổn hại đến các nguồn tài nguyên (rừng và nước) không chỉ ảnh hưởng đến vùng Tây Nguyên, mà còn ảnh hưởng tới đời sống, hoạt động kinh tế của hàng triệu người dân miền Trung, Nam Bộ... Phát triển kinh tế Tây Nguyên thời gian qua chủ yếu hướng trọng tâm vào khai thác tài nguyên vì lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng nhiều vào phát triển bền vững. Thời gian

tới, trong tái cơ cấu kinh tế Tây Nguyên phải xem nơi đây như kho chứa tài nguyên của đất nước, tập trung vào phát triển theo chiều sâu. Sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế không nên hướng nhiều vào số lượng mà cần chú trọng vào chất lượng, hiệu quả và đảm bảo sự bền vững. Định hướng phát triển của Tây Nguyên trong thời gian tới cần chú trọng vào việc khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên để có sự phát triển ổn định, bền vững.

Định hướng về mô hình tăng trưởng

Điều chỉnh mô hình tăng trưởng theo hướng chuyển từ chủ yếu gia tăng sản lượng nền kinh tế theo chiều rộng sang gia tăng sản lượng hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Trong những năm tới, một mặt khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên, lao động và khả năng tích lũy vốn của chính vùng Tây Nguyên, mặt khác, cần quản lý chặt chẽ việc khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Khai thác tốt tiềm năng lao động, chuyển từ lao động giá rẻ sang lao động có trình độ cao, trên cơ sở tập trung phát triển nguồn nhân lực. Sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả gắn với khả năng của nền kinh tế, định hướng đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thâm dụng lao động dịch chuyển dần tới thâm dụng công nghệ.

Định hướng về ngành nghề

- Trong thời gian tới, kinh tế Tây Nguyên cần hướng tới tăng trưởng theo chiều sâu, tức là tăng trưởng dựa trên một số ngành mũi nhọn như công nghiệp chế biến. Định hướng này nhằm tăng giá trị và tính cạnh tranh của các mặt hàng nông sản, bởi công nghiệp chế biến là ngành có khả năng thu hút nhiều lao động, góp phần thúc đẩy



Mô hình hoa ở Đà Lạt - Lâm Đồng

chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Hình thành các nhóm ngành/ sản phẩm chủ lực và ưu tiên chiến lược: cà phê, du lịch gắn với văn hóa, kinh tế và xây dựng cơ sở hạ tầng (tăng tính kết nối thị trường cho nông sản và thu hút đầu tư, du lịch)...

Định hướng về phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng

- Phát triển theo chiều sâu (tài nguyên khoáng sản) và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (rừng, đất và nước...); hạn chế tác động bất lợi của việc sử dụng các nguồn tài nguyên này. Hạn chế và giảm thất thoát tài nguyên khoáng sản trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng; tăng cường chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu khoáng sản ở dạng thô. Kiểm soát chặt chẽ công tác quy hoạch đất, rừng; trồng và phục hồi rừng, đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, quản lý và bảo vệ rừng. Hạn chế và giảm thiểu suy thoái tài nguyên nước đối với các ngành sản xuất do khai thác, sử dụng không bền vững; quản lý và điều tiết việc xả nước từ các hồ thủy điện để hài hòa nhu cầu và lợi ích của các ngành kinh tế khác.

- Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao (như mô hình hoa ở Đà Lạt). Những năm gần đây, diện tích đất canh tác có xu hướng giảm mạnh do bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Trong khi đó, phương thức sản xuất của vùng Tây Nguyên

còn lạc hậu, nhỏ lẻ, manh mún, dẫn đến năng suất, chất lượng sản phẩm chưa cao. Vì thế, để nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo ra giá trị gia tăng cao cho ngành nông nghiệp, biện pháp tối ưu là áp dụng công nghệ cao.

- Giải quyết vấn đề chất lượng nguồn nhân lực: phát triển nguồn nhân lực là vấn đề then chốt hiện nay để giúp Tây Nguyên cải thiện, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Việc này cần gắn với đặc thù và trình độ phát triển hiện nay của Tây Nguyên, bởi đây là vùng đa dạng về văn hóa và phát triển không đồng đều giữa các nhóm dân tộc.

Định hướng về thể chế

- Chú trọng nâng cao vai trò và vị trí của khu vực kinh tế tư nhân. Theo đó, tạo môi trường kinh doanh để thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế, theo hướng giải phóng mạnh hơn các nguồn vốn tiềm năng của khu vực kinh tế tư nhân và dân cư cùng với cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (giúp chuyển giao công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến).

- Tăng tính liên kết trong nội vùng và với bên ngoài, phân công sản xuất và phát triển dựa trên lợi thế so sánh giữa các tỉnh trong vùng. Tăng trưởng kinh tế của vùng Tây Nguyên trong thời gian tới cũng cần đi đôi với việc xử lý những vấn đề mang tính liên vùng.

Những năm qua, dựa vào khai thác tài nguyên mà tốc độ tăng trưởng kinh tế của vùng Tây Nguyên cao hơn cả nước. Đằng sau sự tăng trưởng đó là những tác động không nhỏ đến đời sống, kinh tế của một vùng hạ lưu rộng lớn.

- Nâng cao chất lượng và quản lý quy hoạch đối với các cây công nghiệp, quy hoạch một cách tổng thể theo hướng chuyên canh

Chú thích và tài liệu tham khảo

¹ Cụ thể là các Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23.8.2011 đối với tỉnh Lâm Đồng; Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20.4.2011 đối với tỉnh Kon Tum; Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg ngày 10.7.2006 đối với tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 87/2009/QĐ-TTg ngày 17.6.2009 đối với tỉnh Đắk Lắk.

² Quyết định số 963/QĐ-TTg ngày 18.7.2012, phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

³ Quyết định 32/2007/QĐ-TTg về vốn vay hỗ trợ hoạt động sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định 579/2009/QĐ-TTg về cho vay sản xuất trong Chương trình 30A; Quyết định 157/2007/QĐ-TTg về cho vay hộ nghèo và học sinh nghèo; Quyết định 101/2007/QĐ-TTg về cho vay vốn tạo việc làm tới năm 2010; Nghị định 78/2002/NĐ-CP về vốn vay cho người nghèo trong Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; Quyết định 167/2008/QĐ-TTg về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo; Quyết định 74/2008/QĐ-TTg về cho vay mua đất sản xuất.

⁴ Rừng sản xuất mất 242.489 ha (chiếm 66,1%), rừng phòng hộ bị mất 110.459 ha (chiếm 30,1%) và rừng đặc dụng bị mất 13.783 ha (chiếm 3,8%).

[1] Viện Điều tra quy hoạch rừng (2000, 2005, 2010). Điều tra diễn biến rừng các vùng sinh thái và toàn quốc 1995-2000, 2001-2005 và 2006-2010. Nxb Nông nghiệp, 1996.

[2] Kiểm kê đất đai năm 2010 vùng Tây Nguyên.

[3] Sở Tài nguyên và Môi trường Lâm Đồng (2011). Báo cáo môi trường tỉnh Lâm Đồng 2006-2010.

[4] Sở Tài nguyên và Môi trường Kon Tum (2011). Báo cáo môi trường tỉnh Kon Tum 2006-2010.

"Tái cơ cấu kinh tế Tây Nguyên theo hướng phát triển bền vững" Đề tài mã số TN3/X01 thuộc Chương trình Tây Nguyên 3

Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS Bùi Quang Tuấn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ TÀI



VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU NGŨ

Địa chỉ: Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội
Điện thoại: 04.33886356
Fax: 04.33886309
Email: nmri@hn.vnn.vn

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT

1. Giống ngô lai LVN154 cho Công ty Đại Thành.
2. Giống ngô lai LVN66 cho Viện Khoa học Nông Lâm nghiệp CHDCND Lào.
3. Giống ngô lai VS36 cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.
4. Giống ngô lai LVN145 cho Công ty Cổ phần BTVT An Giang.
5. Giống ngô Nếp lai số 5 cho Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.
6. Giống ngô Nếp lai số 9 cho Công ty TNHH Giống cây trồng miền Trung.
7. Giống ngô lai LVN595 cho Công ty Giống cây trồng, vật nuôi Ninh Bình.
8. Giống ngô lai LVN62 cho Công ty Giống cây trồng Nha Hồ.
9. Giống ngô lai LVN32 cho Công ty Đông Nam (Ninh Thuận).



Giống ngô LVN14
Chịu hạn, ít nhiễm bệnh, năng suất cao, ổn định, chất lượng tốt, thích ứng rộng



Giống ngô Nếp lai số 5
TGST thu hoạch bắp tươi 68-80 ngày, tiềm năng năng suất 13-15 tấn/ha (bắp tươi), 5,5-6,5 tấn/ha (hạt khô)



Giống ngô lai đơn VN8960
TGST trung bình, chịu hạn rất tốt, bắp to, hạt bán đá, năng suất 10-12 tấn/ha ở vùng thâm canh, 5-6 tấn/ha ở vùng khô hạn.



Giống ngô LVN66
Giống trung ngày, chịu hạn, chống đổ tốt, sạch bệnh, thích ứng rộng



Giống ngô LVN092
Giống trung ngày, tiềm năng năng suất 10-12 tấn/ha, sinh trưởng khỏe, chống chịu tốt, thích ứng rộng



Giống ngô lai đơn LVN61

TGST trung bình, tiềm năng năng suất 10-12 tấn/ha, chống chịu tốt. Giống đặc biệt cho hiệu quả cao ở các vùng thâm canh vào những vụ thuận lợi



Giống ngô lai LCH9

Sinh trưởng khỏe, chịu hạn tốt, năng suất cao, chất lượng tốt, thích hợp cho các vùng trồng ngô không chủ động tưới



Giống ngô Đường lai 10

TGST thu hoạch bắp tươi 68-82 ngày, tiềm năng năng suất 18-20 tấn/ha (bắp tươi), sinh trưởng khỏe, hàm lượng Brix 14-16%, ăn tươi thơm, ngọt